

Số: *3968*/HD-YT-BHXH

Hà Nội, ngày *17* tháng *9* năm 2019

HƯỚNG DẪN
Chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế
trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 và Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm Y tế;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 của Bộ Y tế quy định việc chuyển tuyến giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế quy định đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu và chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ tình hình thực tế của các cơ sở khám chữa bệnh (KCB) và nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn;

Liên ngành Y tế - Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội hướng dẫn chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT) trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

I. Tuyển chuyên môn kỹ thuật

Tuyển chuyên môn kỹ thuật được chia làm 4 tuyến như sau:

1. Tuyển Trung ương và tương đương (tuyến 1);
2. Tuyển tỉnh và tương đương (tuyến 2);
3. Tuyển huyện, quận, thị xã và tương đương (tuyến 3);
4. Tuyển xã, phường, thị trấn và tương đương (tuyến 4).

II. Các hình thức chuyển tuyến

1. Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên:

a) Chuyển người bệnh từ tuyến dưới lên tuyến trên liền kề theo trình tự: tuyến 4 chuyển lên tuyến 3, tuyến 3 chuyển lên tuyến 2, tuyến 2 chuyển lên tuyến 1.



nh *nh*

b) Chuyển người bệnh không theo trình tự quy định tại Điểm a nếu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên liền kề không có dịch vụ kỹ thuật phù hợp thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến dưới được chuyển lên tuyến cao hơn.

2. Chuyển người bệnh từ tuyến trên về tuyến dưới.

3. Chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong cùng tuyến.

III. Quy định về chuyển tuyến:

Người có thẻ BHYT được chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế, Thông tư số 14/2014/TT-BYT ngày 14/4/2014 và Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế.

IV. Hướng dẫn một số nội dung cụ thể:

1. Các trường hợp được xác định là đúng tuyến khám bệnh, chữa bệnh BHYT

1.1. Người có thẻ BHYT đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện được quyền KCB bảo hiểm y tế tại trạm y tế tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa, hoặc bệnh viện tuyến huyện trong địa bàn Thành phố.

1.2. Người có thẻ BHYT đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến xã chuyển tuyến cho người bệnh đến bệnh viện huyện, bao gồm cả các bệnh viện huyện đã được xếp hạng I, hạng II và Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố (trong trường hợp bệnh viện huyện không có khoa Y học cổ truyền).

1.3. Người có thẻ bảo hiểm y tế được bệnh viện tuyến huyện, bao gồm cả bệnh viện đã được xếp hạng I, hạng II và bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, viện chuyên khoa, trung tâm chuyên khoa tuyến thành phố chuyển tuyến đến trung tâm chuyên khoa tuyến thành phố hoặc Bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, viện chuyên khoa tuyến Thành phố cùng hạng hoặc thấp hơn.

1.4. Trường hợp cấp cứu:

a) Trường hợp cấp cứu, người tham gia bảo hiểm y tế được đến khám bệnh, chữa bệnh tại bất kỳ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nào và phải xuất trình các giấy tờ theo quy định trước khi ra viện.

b) Khi hết giai đoạn cấp cứu, người bệnh được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh làm thủ tục chuyển đến khoa, phòng điều trị khác để tiếp tục theo dõi, điều trị hoặc được chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác để tiếp tục điều trị theo yêu cầu chuyên môn hoặc được chuyển về nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu sau khi đã điều trị ổn định thì được xác định là đúng tuyến khám bệnh, chữa bệnh.

1.5. Trường hợp người bệnh được chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh có bệnh khác kèm theo; bệnh được phát hiện hoặc phát sinh ngoài bệnh đã ghi trên giấy



chuyên tuyến, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi tiếp nhận người bệnh thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh đối với các bệnh đó trong phạm vi chuyên môn.

1.6. Người tham gia bảo hiểm y tế trong thời gian đi công tác, làm việc lưu động, học tập trung theo các hình thức đào tạo, chương trình đào tạo, tạm trú được khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cùng tuyến hoặc tương đương với cơ sở đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu ghi trên thẻ bảo hiểm y tế và phải xuất trình các giấy tờ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 15 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ và một trong các giấy tờ sau đây (bản chính hoặc bản chụp): Giấy công tác, quyết định cử đi học, thẻ học sinh, sinh viên, giấy tờ chứng minh đăng ký tạm trú, giấy chuyển trường.

2. Các trường hợp được sử dụng giấy chuyển tuyến trong năm dương lịch

Trường hợp người có thẻ BHYT mắc một số bệnh, nhóm bệnh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Thông tư số 40/2015/TT-BYT ngày 16/11/2015 của Bộ Y tế thì Giấy chuyển tuyến có giá trị sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch đó (*Chi tiết Phụ lục 1*).

Trường hợp đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó mà người bệnh vẫn đang điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thì Giấy chuyển tuyến có giá trị sử dụng đến hết đợt điều trị nội trú đó.

Trường hợp chuyển tuyến khám bệnh, chữa bệnh, người tham gia bảo hiểm y tế phải xuất trình hồ sơ chuyển tuyến của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và giấy chuyển tuyến theo Mẫu số 6 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ.

Trường hợp khám lại theo yêu cầu điều trị, người tham gia bảo hiểm y tế phải có giấy hẹn khám lại của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Mẫu số 5 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ.

3. Các trường hợp được chuyển thẳng tuyến trên

Căn cứ vào danh mục kỹ thuật đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về y tế phê duyệt, nếu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên liền kề không có dịch vụ kỹ thuật phù hợp thì cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến dưới được chuyển lên tuyến cao hơn. Người tham gia BHYT đăng ký khám chữa bệnh ban đầu tại cơ sở KCB tuyến 3 hoặc cơ sở KCB tuyến 4 khi mắc các bệnh tại Phụ lục 2 (*kèm theo Công văn này*) được chuyển thẳng lên cơ sở KCB tuyến 1 hoặc cơ sở KCB tuyến 2 là cơ sở y tế đủ điều kiện để chẩn đoán và điều trị bệnh.

4. Khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại các tỉnh giáp ranh

Người tham gia BHYT đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu tại trạm y tế tuyến xã giáp ranh của tỉnh giáp ranh được quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 100% chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi được hưởng và mức hưởng quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ khi đến khám bệnh, chữa bệnh tại trạm y tế tuyến xã giáp ranh của tỉnh giáp ranh (*Chi tiết Phụ lục 3*).

Trên đây là hướng dẫn chuyên tuyến khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Y tế (Phòng Nghiệp vụ Y) và BHXH Thành phố Hà Nội (Phòng Giám định Bảo hiểm y tế 1, Phòng Giám định Bảo hiểm y tế 2) để thống nhất xem xét, giải quyết.

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *nhv*



Trần Thị Nhị Hà

BHXH TP PHỐ HÀ NỘI
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *mt*



Nguyễn Thị Tám

Nơi nhận:

- Các cơ sở KCB BHYT (để t/hiện);
- Bộ Y tế (để b/cáo);
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (để b/cáo);
- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng;
- Bảo hiểm xã hội Bộ Công an;
- Giám đốc: SYT, BHXH Thành phố (để b/cáo);
- Công an TP Hà Nội;
- Các PGĐ BHXH TP (để chỉ đạo);
- Các phòng nghiệp vụ BHXH TP Hà Nội (để t/hiện);
- BHXH các quận, huyện, thị xã (để t/hiện);
- Phòng Nghiệp vụ Y, TCKT thuộc Sở Y tế (để t/hiện);
- Website BHXH Thành phố;
- Website Sở Y tế Hà Nội;
- Lưu: VT Sở Y tế, VT BHXH TP Hà Nội (06 bản).

PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC CÁC BỆNH, NHÓM BỆNH VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC
SỬ DỤNG GIẤY CHUYỂN TUYÊN TRONG NĂM DƯƠNG LỊCH**
(Ban hành kèm theo Công văn liên ngành số 2962/HD-YT-BHXH ngày...17/9/2019...
của Liên ngành Y tế - BHXH TP Hà Nội)

STT	Tên bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp
1	Lao (các loại)
2	Bệnh Phong
3	HIV/AIDS
4	Di chứng viêm não; Bại não; Liệt tứ chi ở trẻ em dưới 6 tuổi
5	Xuất huyết trong não
6	Dị tật não, não úng thủy
7	Động kinh
8	Ung thư *
9	U nhú thanh quản
10	Đa hồng cầu
11	Thiếu máu bất sản tủy
12	Thiếu máu tế bào hình liềm
13	Bệnh tan máu bẩm sinh (Thalassemia)
14	Tan máu tự miễn
15	Xuất huyết giảm tiểu cầu miễn dịch
16	Đái huyết sắc tố kịch phát ban đêm
17	Bệnh Hemophilia
18	Các thiếu hụt yếu tố đông máu
19	Các rối loạn đông máu
20	Von Willebrand
21	Bệnh lý chức năng tiểu cầu
22	Hội chứng thực bào tế bào máu
23	Hội chứng Anti - Phospholipid
24	Hội chứng Turner
25	Hội chứng Prader Willi
26	Suy tủy
27	Tăng sinh tủy - suy giảm miễn dịch bẩm sinh do thiếu hụt gamaglobulin
28	Tăng sinh tủy - suy giảm miễn dịch bẩm sinh do thiếu sắt
29	Basedow



kh *ph*

30	Đái tháo đường
31	Rối loạn chuyển hóa bẩm sinh acid hữu cơ, acid amin, acid béo
32	Rối loạn dự trữ thể tiêu bào
33	Suy tuyến giáp
34	Suy tuyến yên
35	Bệnh tâm thần *
36	Parkinson
37	Nghe kém ở trẻ em dưới 6 tuổi
38	Suy tim
39	Tăng huyết áp có biến chứng
40	Bệnh thiếu máu cục bộ cơ tim
41	Bệnh tim bẩm sinh; Bệnh tim (có can thiệp, sau phẫu thuật van tim, đặt máy tạo nhịp)
42	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
43	Hen phế quản
44	Pemphigus
45	Pemphigoid (Bọng nước dạng Pemphigus)
46	Duhring – Brocq
47	Vảy nến
48	Vảy phấn đỏ nang lông
49	Á vảy nến
50	Luput ban đỏ
51	Viêm bì cơ (Viêm đa cơ và da)
52	Xơ cứng bì hệ thống
53	Bệnh tổ chức liên kết tự miễn hỗn hợp (Mixed connective tissue disease)
54	Các trường hợp có chỉ định sử dụng thuốc chống thải ghép sau ghép mô, bộ phận cơ thể người
55	Di chứng do vết thương chiến tranh
56	Viêm gan mạn tính tiến triển; viêm gan tự miễn
57	Hội chứng viêm thận mạn; suy thận mạn
58	Tăng sản thượng thận bẩm sinh
59	Thiếu sản thận
60	Chạy thận nhân tạo chu kỳ, thẩm phân phúc mạc chu kỳ
61	Viêm xương tự miễn
62	Viêm cột sống dính khớp



Ghi chú: (*) là tên bệnh, nhóm bệnh quy định tại Thông tư số 34/2013/TT-BYT ngày 28 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.

Handwritten signatures and initials

PHỤ LỤC 2

ĐANH MỤC BỆNH CHUYÊN THĂNG
TỪ TUYẾN 3, TUYẾN 4 LÊN TUYẾN 1, TUYẾN 2

(Ban hành kèm theo Công văn liên ngành số 2568/HD-YT-BHXH ngày 12/9/2019 của Liên ngành Y tế - BHXH TP Hà Nội)

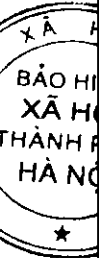
STT	Danh mục bệnh theo các chuyên khoa	Mã bệnh theo ICD 10
I	Bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng	
1.	Viêm gan vi rút C mạn tính	B18.2
2.	Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS)	B20 đến B24, Z21
II	Bướu tân sinh	
3.	Bệnh ung thư các loại	C00 đến C97; D00 đến D09
4.	U xương lành tính có tiêu hủy xương	D16
5.	Bướu tân sinh các loại, không rõ tính chất	D37 đến D48
III	Bệnh của máu, cơ quan tạo máu và các rối loạn liên quan đến cơ chế miễn dịch	
6.	Bệnh Thalassemia	D56
7.	Các thiếu máu tan máu di truyền	D58
8.	Thiếu máu tan huyết tự miễn dịch	D59.1
9.	Thiếu yếu tố VIII di truyền (Hemophilia A)	D66
10.	Thiếu yếu tố IX di truyền (Hemophilia B)	D67
11.	Bệnh Von Willebrand	D68.0
12.	Rối loạn chức năng tiểu cầu	D69.1
13.	Ban xuất huyết giảm tiểu cầu không rõ nguyên nhân (Hội chứng Evans)	D69.3
14.	Tăng tiểu cầu tiên phát	D75.2
15.	Hội chứng thực bào máu liên quan đến nhiễm trùng	D76.2
16.	Tăng Gammaglobulin máu không đặc hiệu	D89.2
IV	Bệnh nội tiết, dinh dưỡng và chuyển hóa	
17.	Bệnh Wilson	E83.0
18.	Suy giáp sau điều trị	E89.0
V	Bệnh hệ tuần hoàn	
19.	Viêm cơ thất màng ngoài tim mạn	I31.1
20.	Suy tim độ 3-4 do các nguyên nhân khác nhau	I50
21.	Đột quỵ không rõ nhồi máu não hay xuất huyết não	I64
22.	Phình động mạch, lóc tách động mạch	I71
23.	Biến chứng sau phẫu thuật hoặc can thiệp tim mạch	I97
VI	Bệnh hệ hô hấp	
24.	Áp xe phổi và trung thất	J85
25.	Mù màng phổi mạn tính	J86
VII	Thai nghén, sinh đẻ và hậu sản	
26.	Chửa trứng	O01

PHỤ LỤC 3

**TRẠM Y TẾ XÃ CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIÁP RANH VỚI CÁC TRẠM Y TẾ XÃ
CỦA TỈNH GIÁP RANH**

*(Ban hành kèm theo Công văn liên ngành số 3262/HD-YT-BHXH ngày 12/9/2019.....
của Liên ngành Y tế - BHXH TP Hà Nội)*

STT	Các trạm y tế tuyến xã của thành phố Hà Nội	Các trạm y tế tuyến xã của tỉnh giáp ranh với thành phố Hà Nội
1	Huyện Phúc Thọ	Tỉnh Vĩnh Phúc
	TYT xã Cẩm Đình	TYT xã Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường
	TYT xã Xuân Phú	TYT xã Phong Châu, huyện Vĩnh Tường,
	TYT xã Vân Phúc	TYT xã Hồng Châu, TYT xã Yên Lạc, huyện Yên Lạc,
	TYT xã Vân Nam	TYT xã Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường
	TYT xã Vân Hà	TYT xã Hồng Châu, huyện Vĩnh Tường
2	Huyện Quốc Oai	Tỉnh Hòa Bình
	TYT xã Đông Yên	TYT xã Hòa Sơn, TYT xã Cán Hữu, TYT xã Hoa Thạch và TYT thị trấn Xuân Mai (huyện Lương Sơn)
	TYT xã Phú Mãn	TYT xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn
3	Huyện Sóc Sơn	Tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Phúc Yên, Thái Nguyên
	TYT xã Tân Hưng	TYT xã Trung Hưng và TYT xã Hợp Thịnh (huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang)
	TYT xã Kim Lũ	TYT xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh
	TYT xã Việt Long	TYT xã Tam Giang và TYT xã Mai Đình (huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh)
	TYT xã Minh Trí	TYT xã Ngọc Thanh, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phúc Yên
	TYT xã Trung Giã	TYT xã Thuận Thành, huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên
4	Huyện Đông Anh	Tỉnh Bắc Ninh
	TYT xã Vân Hà	TYT xã Phú Khê, TYT xã Hương Mạc (thị trấn Từ Sơn)
	TYT xã Dục Tú	TYT xã Châu Khê, thị trấn Từ Sơn
	TYT xã Thụy Lâm	TYT xã Văn Môn, TYT xã Yên Phong, TYT xã Quan Đình, TYT xã Quan Môn (Huyện Yên Phong)
5	Huyện Gia Lâm	Tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh,
	TYT xã Kim Lan	TYT xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên
	TYT xã Văn Đức	TYT xã Xuân Quan, TYT xã Phụng Công, TYT xã Công Luận (huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên)
	TYT xã Dương Quang	TYT thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
	TYT xã Trung Mậu	TYT Chi Phương, TYT Phù Chuẩn (huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh)
	TYT xã Ninh Hiệp	TYT xã Đình Bảng, thị trấn Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
	TYT xã Yên Thường	TYT Châu Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
6	Huyện Chương Mỹ	Tỉnh Hòa Bình
	TYT thị trấn Xuân Mai	TYT xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn
	TYT xã Thủy Xuân Tiên	TYT xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn



Hu

	TYT xã Nam Phương Tiến	TYT xã Cự Yên, TYT xã Nhuận Trạch (huyện Lương Sơn)
	TYT xã Trần Phú	TYT xã Thành Lập, TYT xã Trung Sơn (huyện Lương Sơn)
7	Huyện Ba vì	Tỉnh Hòa Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc
	TYT xã Khánh Thượng	TYT xã Hợp Thịnh và TYT xã Phú Minh (huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình) TYT xã Tu Vũ và TYT xã Yên Mao (huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ)
	TYT xã Yên Bài	TYT xã Yên Quang, tỉnh Hòa Bình
	TYT xã Minh Quang	TYT xã Đông Luận và TYT xã Trung Nghĩa (huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ)
	TYT xã Thuận Mỹ	TYT xã Đoan Hạ và TYT xã La Phù (huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ)
	TYT xã Sơn Đà	TYT xã La Phù và TYT xã Tam Nông (huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ)
	TYT xã Tòng Bạt	TYT xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
	TYT xã Phú Sơn	TYT xã Xuân Lộc, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
	TYT xã Thái Hòa	TYT xã Hồng Đà, TYT xã Thượng Nông (huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ)
	TYT xã Phong Vân	TYT xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
	TYT xã Cổ Đô	TYT xã Tân Đức, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
	TYT xã Phú Cường	TYT phường Gia Cẩm, TYT phường Viên Cát (thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ)
	TYT xã Tân Hồng	TYT xã Bạch Hạc, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Phú Thọ
	TYT xã Châu Sơn	TYT xã Cao Đại, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
	TYT xã xã Phú Phương	TYT xã Cao Đại, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
	TYT xã Phú Châu	TYT xã Lý Nhân, TYT xã An Tường (huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc)
	TYT xã Minh Châu	TYT xã Lý Nhân, TYT xã An Tường (huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc)
	TYT xã Cam Thượng	TYT xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc
8	Huyện Thanh Trì	Tỉnh Hưng Yên
	TYT xã Vạn Phúc	TYT xã Thăng Lợi, huyện Khoái Châu
9	Huyện Mê Linh	Tỉnh Vĩnh Phúc
	TYT xã Tự Lập	TYT xã Phú Xuân, huyện Bình Xuyên
	TYT xã Vạn Yên	TYT xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc
	TYT xã Thanh Lâm	TYT thị xã Phúc Yên, thành phố Phúc Yên
	TYT xã Tiên Thăng	TYT xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, TYT xã Tiên Châu, thành phố Phúc Yên
10	Huyện Ứng Hòa	Tỉnh Hà Nam
	TYT xã Đông Lỗ	TYT xã Đại Cường, huyện Kim Bảng
	TYT xã Đại Cường	TYT xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng
	TYT xã Đại Hùng	TYT xã Nguyễn Uy, huyện Kim Bảng

11	Thị xã Sơn Tây	Tỉnh Vĩnh Phúc
	TYT xã Đường Lâm	TYT xã Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường
	TYT xã Viên Sơn	TYT xã Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường
	TYT xã Phú Thịnh	TYT xã Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường
	TYT xã Lê Lợi	TYT xã Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường
12	Huyện Thương Tín	Tỉnh Hưng Yên
	TYT xã Ninh Sở	TYT xã Thăng Lợi, huyện Văn Giang
	TYT xã Hồng Vân	TYT xã Bình Minh, huyện Khoái Châu
	TYT xã Tự Nhiên	TYT xã Dạ Trạch, huyện Khoái Châu
	TYT xã Chương Dương	TYT xã Hàm Tử, huyện Khoái Châu
	TYT xã Lê Lợi	TYT xã Tứ Dân, huyện Khoái Châu
	TYT xã Thống Nhất	TYT xã Tân Châu, huyện Khoái Châu
	TYT xã Vạn Điểm	TYT xã Tân Châu, huyện Khoái Châu
13	Huyện Mỹ Đức	Tỉnh Hòa Bình, Hà Nam
	TYT xã Hương Sơn	TYT xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bàng, tỉnh Hà Nam
	TYT xã Hợp Thanh	TYT xã Cao Thắng, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
	TYT xã Hợp Tiến	TYT xã Cao Thắng, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
	TYT xã An Phú	TYT xã Thanh Nông, TYT xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình TYT xã Thanh Lương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
14	Huyện Phú Xuyên	Tỉnh Hà Nam, Hưng Yên
	TYT xã Bạch Hạ	TYT xã Bạch Thượng, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
	TYT xã Châu Can	TYT xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
	TYT xã Minh Tân	TYT xã Châu Giang, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
	TYT xã Khai Thái	TYT xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
15	Huyện Thạch Thất	Tỉnh Hòa Bình
	TYT xã Tiên Xuân	TYT xã Yên Quang, huyện Kỳ Sơn
	TYT xã Yên Trung	TYT xã Yên Quang, huyện Kỳ Sơn

*Trạm y tế được viết tắt là: TYT

Handwritten signature